TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 27

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số lớn nhất trong các số 942 659, 946 259, 942 759, 946 249 là:

A. 946 259 **B.** 942 659 **C.** 946 249 **D.** 942 759

Câu 2. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 5 765 862 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 5 800 000 **B.** 5 700 000 **C.** 5 770 000 **D.** 6 000 000

Câu 3. *(0,5 điểm)* Trong số 353 638, chữ số 6 thuộc hàng nào, lớp nào?

A. hàng trăm, lớp nghìn **B.** hàng chục, lớp đơn vị

C. hàng trăm, lớp đơn vị **D.** hàng nghìn, lớp đơn vị

Câu 4. *(0,5 điểm)* Tổng của hai số là 3442, số lớn hơn số bé 1744 đơn vị. Số bé là:

A. 2593 **B.** 1721 **C.** 1744 **D.** 849

Câu 5. *(0,5 điểm)* Chu vi hình vuông cạnh a được tính theo công thức P = a × 4. Với a = 3 cm thì P bằng:

A. 9 cm **B.** 12 cm **C.** 6 cm **D.** 7 cm

Câu 6. *(0,5 điểm)* Năm 1124 thuộc thế kỉ nào?

A. thế kỉ XIII **B.** thế kỉ XI **C.** thế kỉ X **D.** thế kỉ XII

Câu 7. *(0,5 điểm)* 8 tạ 8 yến = …… kg

A. 808 **B.** 880 **C.** 88 **D.** 8080

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hai đường thẳng song song thì:

A. cắt nhau tạo thành góc vuông **B.** cắt nhau tạo thành góc nhọn

C. không bao giờ cắt nhau **D.** cắt nhau tại một điểm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 9 triệu, 1 chục nghìn, 8 trăm và 3 đơn vị viết là: ……

b) Số «năm triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm linh hai» viết là: ……

c) Làm tròn số 8 106 277 đến hàng trăm nghìn được: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 3 với a = 5613, b = 372: ……

b) m − n + p với m = 45 897, n = 5285, p = 2611: ……

c) (x + 3919) × 2 với x = 300: ……

Câu 11. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 139 362 + 195 493 = …….

b) 540 124 − 159 243 = …….

c) 14 919 × 3 = …….

d) 32 064 : 4 = …….

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

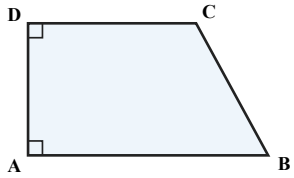
a) 2 tấn 21 kg = ……. kg

b) 5 tạ = ……. yến

c) 5 m^2 51 dm^2 = ……. dm^2

d) 4 phút 30 giây = ……. giây

Câu 13. *(1 điểm)* Quan sát hình bên (góc vuông đã được đánh dấu) rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Số góc vuông: …….

b) Số góc nhọn: …….

c) Số góc tù: …….

Câu 14. *(1 điểm)* Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 144 m, chiều dài hơn chiều rộng 14 m. Tính chiều dài, chiều rộng và diện tích mảnh vườn.

a) Chiều dài: ……. m

b) Chiều rộng: ……. m

c) Diện tích: ……. m^2

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 27

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	A	C	D	B	D	B	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 9 010 803

b) 5 826 402

c) Chữ số hàng chục nghìn là 0 nên được 8 100 000

Câu 10.

a) 5613 + 372 × 3 = 5613 + 1116 = 6729

b) 45 897 − 5285 + 2611 = 40 612 + 2611 = 43 223

c) (300 + 3919) × 2 = 4219 × 2 = 8438

Câu 11.

a) 139 362 + 195 493 = 334 855

b) 540 124 − 159 243 = 380 881

c) 14 919 × 3 = 44 757

d) 32 064 : 4 = 8016

Câu 12.

a) 2000 + 21 = 2021

b) 1 tạ = 10 yến: 50

c) 500 + 51 = 551

d) 4 × 60 + 30 = 270

Câu 13.

Dùng ê ke kiểm tra các góc ở đỉnh của hình thang vuông ABCD: 2 góc vuông, 1 góc nhọn, 1 góc tù.

Câu 14.

Nửa chu vi: 144 : 2 = 72 (m)

Chiều dài: (72 + 14) : 2 = 43 (m)

Chiều rộng: 43 − 14 = 29 (m)

Diện tích: 43 × 29 = 1247 (m²)